



GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN CHÍNH SÁCH THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

TRỊNH QUANG HƯNG

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương liên quan đến bảo vệ môi trường nói chung và chính sách phí bảo vệ môi trường nói riêng, trong đó, bao gồm cả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Tuy nhiên, qua thực hiện chính sách thu phí còn bộc lộ một số tồn tại, phát sinh như: đối tượng thu phí, tổ chức thu phí, mức thu phí, quản lý và sử dụng phí, kê khai và thu, nộp phí... Bài viết này đưa ra một số khuyến nghị hoàn thiện chính sách thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hiện nay nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực thi chính sách hiện hành, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật về tài chính, ngân sách và hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường.

Từ khóa: Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khoản thu bảo vệ môi trường

SOLUTIONS TO IMPROVING CURRENT POLICIES ON COLLECTING ENVIRONMENTAL PROTECTION FEES AGAINST WASTEWATER

Trình Quang Hưng

In recent time, the Party and State have introduced various initiatives on environmental protection, including specific policies for environmental protection fees on wastewater. However, fee collection policies have revealed certain issues, such as the identification of fee payers, fee collection processes, fee rates, management and usage of fees, as well as fee declaration and payment procedures. This article provides recommendations to improve the wastewater environmental protection fee policy, addressing current implementation challenges to ensure alignment with financial, budgetary, and environmental protection laws.

Keywords: Environmental protection fee against wastewater, environmental protection revenue

Ngày nhận bài: 9/10/2024

Ngày hoàn thiện biên tập: 16/10/2024

Ngày duyệt đăng: 23/10/2024

Sự cần thiết hoàn thiện chính sách thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Luật Phí và lệ phí (khoản 3 Điều 18) quy định: Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, hướng dẫn thực hiện thống nhất các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền, trong đó có phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải.

Thực hiện Luật Phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016

và Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 về phí BVMT đối với nước thải. Tuy nhiên, qua thực hiện chính sách thu phí còn bộc lộ một số tồn tại, phát sinh, bao gồm cả: đối tượng thu phí, tổ chức thu phí, mức thu phí, quản lý và sử dụng phí, kê khai và thu, nộp phí...

Tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 nêu quan điểm: “Thuế, phí, lệ phí là công cụ của Nhà nước góp phần quản lý, điều tiết, ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu nền kinh tế, động viên được các nguồn lực đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng chất lượng, hiệu quả, phát triển nhanh, bền vững; giải quyết hài hòa các vấn đề phát triển kinh tế và môi trường, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030”. Từ đó, đề ra giải pháp thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 là: “Đối với phí và lệ phí và thu khác thuộc ngân sách nhà nước cần phân rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật phí, lệ phí theo hướng khai thác hiệu quả nguồn thu phí từ BVMT”.

Tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững đã giao Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, nâng mức phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp lũy tiến theo mức độ gây ô nhiễm môi trường để từng bước bù đắp chi phí xử lý nước thải và thúc đẩy xã hội hóa đầu tư, xử lý nước thải.

Từ thực tiễn thi hành chính sách phí BVMT đối với nước thải, cần thiết hoàn thiện chính sách thu



phí BVMT đối với nước thải nhằm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực thi chính sách hiện hành, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật về tài chính, ngân sách và hệ thống pháp luật về BVMT.

Một số nội dung của chính sách thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Về đối tượng chịu phí

Theo quy định, đối tượng chịu phí BVMT hiện nay là nước thải công nghiệp thải vào nguồn tiếp nhận nước thải theo quy định pháp luật và nước thải sinh hoạt.

Với quy định trên cho thấy, quy định 02 nhóm đối tượng chịu phí là nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp còn chưa thống nhất giữa các văn bản quy pháp luật về BVMT đối với nước thải (nước thải công nghiệp, nước thải y tế, nước thải sinh hoạt...). Mặc dù, các văn bản chuyên ngành về môi trường đã quy định về nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt, nguồn tiếp nhận nước thải nhưng thực tế nhiều cơ sở sản xuất có cả nguồn nước thải từ hoạt động sản xuất, chế biến và nguồn nước thải từ hoạt động sinh hoạt hoặc không phát sinh nước thải công nghiệp mà chỉ thải nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ, công nhân viên làm việc trong cơ sở việc thì phân loại thu phí theo đối tượng nào.

Về xác định nguồn tiếp nhận nước thải, thực tế nhiều cơ sở có nước thải đã xử lý theo đúng quy chuẩn kỹ thuật và cấp nguồn nước thải này cho một số hoạt động sản xuất nông nghiệp, tưới cây xanh, rửa đường, không xả vào ao, đầm, hồ, sông, suối... như mô tả trong Quy chuẩn về nguồn tiếp nhận nước thải nhưng cơ quan thu phí vẫn xác định lượng thải này làm căn cứ tính phí, dẫn đến bất cập.

Ngoài ra, thực tế ngành môi trường còn có các quy chuẩn nước thải riêng về lĩnh vực y tế, kho bãi và cửa hàng xăng dầu. Loại hình hoạt động này không mang tính sản xuất, chế biến và hiện đang thu phí theo nhóm chịu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, nếu xét theo định nghĩa của pháp luật môi trường về phân loại nước thải sinh hoạt thì không bao gồm những loại nước thải này.

Về đối tượng chịu phí đối với nước thải công nghiệp, với cách phân loại nước thải từ các cơ sở sản xuất thuộc loại hình, lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, chế biến như hiện nay vừa thừa lại vừa thiếu. Thừa là vì, nhiều cơ sở là cá nhân, hộ gia đình có các hoạt động sản xuất, chế biến nhưng quy mô rất nhỏ, mang

tính mùa vụ hoặc gắn với một số ưu thế về hình thái sinh sống tự nhiên như: chăn nuôi gia súc, gia cầm ở nông thôn, miền núi; giết mổ gia súc, gia cầm ở các khu chợ, khu dân sinh, nuôi trồng thủy sản những khu vực đầm, ao, hồ, sông suối, ven biển; gia công, chế biến những sản phẩm truyền thống như: làm bún, nấu rượu...; vấn đề thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp trong trường hợp này là chưa phù hợp và thiếu thực tế; hầu hết những chủ thể này thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nhà nước cần có chính sách để phát triển, nâng cao đời sống. Thiếu là vì, với danh sách 13 nhóm ngành, nghề lĩnh vực sản xuất, chế biến như trên thì không thể bao quát toàn bộ các hoạt động thực tế diễn ra...

Về đối tượng chịu phí đối với nước thải sinh hoạt, theo quy định hiện hành, một số cơ sở kinh doanh, dịch vụ như: nhà hàng, trung tâm thương mại, siêu thị sẽ thuộc diện chịu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, thực tế, một số địa phương cho rằng, một số loại hình hoạt động như: nấu bia tươi để bán cho khách sử dụng tại chỗ, chế biến, sản xuất loại thực phẩm, thức ăn, nước giải khát, bánh các loại để bán, do đó, có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu, đánh giá thêm về loại hình nước thải này.

Theo đó, đề xuất một số khuyến nghị về đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải như sau:

Thứ nhất, về đối tượng chịu phí chung. Việc tiếp tục quy định thu phí với 2 nhóm đối tượng khác nhau, gồm nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt là cần thiết. Tuy nhiên, với nhóm cơ sở sản xuất, chế biến (hiện đang quy định thuộc đối tượng chịu phí theo nước thải công nghiệp) chỉ phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt của con người hàng ngày cần chuyển sang nhóm nộp phí theo nước thải sinh hoạt để đảm bảo đúng bản chất của loại nước thải này.

Thứ hai, về đối tượng chịu phí đối với nước thải công nghiệp. Cần nghiên cứu việc lấy Danh mục cơ sở sản xuất, chế biến có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại Phụ lục II của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của BVMT đưa vào quy định thành đối tượng chịu phí đối với nước thải công nghiệp để đảm bảo đồng bộ với pháp luật chuyên ngành.

Ngoài ra, để bao quát đối tượng xả thải, cần quy định thêm các cơ sở khác có hoạt động sản xuất, chế biến có xả nước thải ra môi trường cũng thuộc đối tượng chịu phí.

Đối với một số loại hình sản xuất chế biến có tính đặc thù như: nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm... thì nghiên cứu quy định chi tiết một số tiêu chí như: lưu lượng xả thải, quy mô sản



xuất, phương thức quản lý của nhà nước đang áp dụng... để xác định thuộc hay không thuộc đối tượng chịu phí nhằm đảm bảo tính hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn. Tránh trường hợp có quy định thuộc đối tượng chịu phí trong Nghị định nhưng khó quản lý thu trên thực tế.

Ngoài ra, cần áp dụng phương thức thu phí đặc thù với các cơ sở xả thải này. Cụ thể là, thu phí theo phương thức khoán một mức phí cố định thấp hơn mức phí tối thiểu hiện hành (4 triệu đồng/năm), cụ thể/năm để đảm bảo đơn giản, khả thi.

Thứ ba, về đối tượng chịu phí đối với nước thải sinh hoạt. Bổ sung quy định với cơ sở kinh doanh dịch vụ có kết hợp với hoạt động sản xuất, chế biến mà pháp luật môi trường không yêu cầu thực hiện về thủ tục môi trường, sử dụng nguồn nước sạch để có cơ sở phân loại trong thực hiện, đảm bảo đơn giản, hiệu quả thu phí.

Về tổ chức thu phí

Thời gian qua, chưa có địa phương nào tổ chức thu được phí đối với các đối tượng tự khai thác nước (hộ gia đình, cá nhân kinh doanh ở địa bàn phường, thị trấn có hệ thống cấp nước sạch) để sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Các trường hợp khác: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các phường, thị trấn chưa có hệ thống cấp nước sạch; Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh ở các phường, thị trấn đã có hệ thống cấp nước sạch tự khai thác nước sử dụng hiện nay đã được miễn phí. Số lượng đối tượng tự khai thác nước này trên thực tế là không đáng kể, từ đó, dẫn đến không đảm bảo hiệu quả thu khi phải tổ chức riêng bộ máy thu phí ở cấp chính quyền cơ sở cần có kiến thức chuyên môn về môi trường, tài chính để thẩm định tờ khai, theo dõi thu, nộp và quyết toán tình hình thu phí với cơ quan thuế.

Vì vậy, cần nghiên cứu bỏ quy định giao Ủy ban nhân dân phường, thị trấn thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tự khai thác nước để sử dụng do đã bỏ quy định nước thải của đối tượng này thuộc diện chịu phí nước thải sinh hoạt, đảm bảo tính hiệu quả trong thu phí và tính khả thi trong triển khai thực hiện.

Đối với trường hợp sở tài nguyên môi trường (TNMT) và phòng TNMT thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp, nếu chỉ quy định chung như trên thì sẽ khó cho địa phương trong việc phân chia vai trò quản lý thu từng đối tượng.

Luật BVMT hiện hành đã quy định rõ việc phân cấp quản lý nhà nước về môi trường từ trung ương đến cấp tỉnh, huyện và cấp xã trong việc thẩm định,

phê duyệt hồ sơ đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép và đăng ký môi trường với từng dự án, đối tượng xả thải cụ thể.

Như vậy, trong trường hợp này có thể quy định cụ thể thẩm quyền thu phí của sở TNMT cấp tỉnh đối với các dự án thuộc thẩm quyền cấp phép của cấp và cấp tỉnh. Các dự án còn lại thuộc thẩm quyền cấp phép của cấp huyện, tiếp nhận đăng ký môi trường của cấp xã hoặc dự án khác thuộc thẩm quyền thu phí của phòng TNMT cấp huyện.

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa quy định về thẩm quyền thu phí của sở TNMT và phòng TNMT. Theo đó, trong trường hợp này có thể quy định cụ thể thẩm quyền thu phí của sở TNMT cấp tỉnh đối với các dự án thuộc thẩm quyền cấp phép của cấp và cấp tỉnh. Các dự án còn lại thuộc thẩm quyền cấp phép của cấp huyện, tiếp nhận đăng ký môi trường của cấp xã hoặc dự án khác thuộc thẩm quyền thu phí của phòng TNMT cấp huyện.

Về trường hợp miễn thu phí

Đối với nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đô thị, bỏ quy định: phải đáp ứng điều kiện đã xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả thải đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tiễn.

Trường hợp hệ thống không xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật thì xử lý vi phạm về BVMT. Ngoài ra, Luật BVMT đã quy định cấm xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

Quy định như vậy thể hiện rõ chính sách khuyến khích, phát triển đầu tư các dự án về thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tại địa phương.

Ngoài ra, cần bổ sung quy định miễn thu phí đối với nước thải được tái sử dụng để khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên nước; bổ sung quy định miễn thu phí đối với nước thải tại các huyện không tổ chức chính quyền cấp xã để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền tại một số địa bàn cụ thể; bổ sung quy định rõ chỉ miễn thu phí đối với nước thải trực tiếp từ hoạt động sản xuất thủy điện xả ra để tránh nhầm lẫn giữa đối tượng là nước thải được miễn thu phí và đối tượng nước thải thuộc diện chịu phí.

Về mức phí và xác định số phí phải nộp

Hiện nay, mức thu phí BVMT đối với nước thải còn tồn tại một số vướng mắc như: Việc xác định tính phí đối với nước thải sinh hoạt theo tỷ lệ 10% của giá bán nước sạch là giá bán của nhà máy khai



thác, sản xuất nước sạch hay giá bán của công ty kinh doanh thương mại bán ra.

Đối với phí BVMT đối với nước thải công nghiệp việc chia thành 03 nhóm cơ sở xả thải (dưới 5m³/ngày; từ 5 đến dưới 10m³/ngày và từ 10 đến dưới 20m³/ngày) để áp dụng mức phí cố định khác nhau tuy đảm bảo công bằng hơn nhưng còn phức tạp trong phân loại, sắp xếp.

Vì vậy, để hoàn thiện quy định về mức thu phí, bài viết đưa ra một số khuyến nghị như sau:

(i) Cần nghiên cứu quy định áp dụng hệ số K đối với nước thải của cơ sở có chứa chất kim loại nặng để giảm chi phí lấy mẫu, phân tích và thẩm định, giảm thủ tục hành chính, tăng hiệu quả thu. Trong trường hợp này, có thể tham khảo cách quy định và thu phí BVMT đối với nước thải của TP. Hồ Chí Minh hiện hành.

(ii) Đối với nhóm cơ sở xả thải trung bình đến dưới 5m³/ngày, cần nghiên cứu quy định theo hướng không thu phí với đối tượng xả thải này để đảm bảo đồng bộ với pháp luật về chuyên ngành môi trường (hiện nay thuộc trường hợp được miễn đăng ký môi trường).

(iii) Bổ sung quy định rõ về cách xác định lưu lượng nước thải, lấy mẫu, phân tích, sử dụng kết quả quan trắc... và các nội dung khác về kỹ thuật môi trường nước thải được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về BVMT.

(iv) Bổ sung quy định cơ sở xả thải thuộc đối tượng nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp thực hiện quan trắc nước thải định kỳ phải lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải để làm căn cứ tính phí.

(v) Sửa quy định về sử dụng kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục theo hướng trích dẫn quy định của pháp luật chuyên ngành BVMT.

Về quản lý sử dụng phí

Ngoài tỷ lệ để lại cho cơ quan thu phí để trang trải cho hoạt động thu, Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định số tiền phí thu được còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách địa phương để sử dụng cho 02 nhóm nhiệm vụ sau đây:

(i) Chi cho công tác BVMT tại địa phương.

(ii) Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ BVMT của địa phương để sử dụng cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải, tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải.

Quy định trên là phù hợp với quy định tại khoản 4 Luật BVMT năm 2014 quy định: Nguồn thu từ phí BVMT được sử dụng cho hoạt động BVMT.

Tuy nhiên, tại Luật BVMT năm 2020 đã bỏ quy định nguồn thu phí BVMT được sử dụng cho nhiệm vụ BVMT tại Luật BVMT năm 2014 nêu trên.

Tại khoản 1 Điều 7 Luật NSNN quy định: Các khoản thu từ phí, lệ phí được tổng hợp đầy đủ vào cân đối NSNN theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện.

Như vậy, với quy định hiện hành cho phép sử dụng nguồn thu từ phí BVMT chỉ cho các nhiệm vụ BVMT và bổ sung vào Quỹ BVMT của địa phương để sử dụng cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải, tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải là chưa phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) hiện hành.

Cần nghiên cứu bỏ quy định sử dụng số tiền phí thu được cho hoạt động BVMT, đồng thời quy định rõ số tiền phí thu được, nộp vào NSNN địa phương và quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về NSNN.

Về quy định xử phạt

Nghị định số 53/2020/NĐ-CP hiện hành không quy định về điều khoản xử phạt cụ thể đối với việc chấp hành nghĩa vụ phí BVMT của tổ chức, cá nhân liên quan.

Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường hiện đang thực hiện theo các văn bản (nghị định) chuyên ngành về lĩnh vực này. Cụ thể: Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP.

Trong các nghị định nêu trên, có quy định về mức tiền xử phạt đối với hành vi vi phạm trong việc kê khai, nộp phí BVMT và biện pháp khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, thẩm quyền xử phạt vi phạm chủ yếu là thuộc cơ quan thuế, chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan TNMT có rất ít thẩm quyền xử phạt. Do đó, phát sinh các trường hợp chậm nộp tờ khai, chậm nộp phí.

Như vậy, cần bổ sung quy định rõ thẩm quyền xử phạt tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí và lĩnh vực BVMT, đồng thời, quy định rõ cơ sở, căn cứ áp dụng để xử lý vi phạm trong một số hành vi vi



phạm cụ thể như: Không kê khai, nộp phí; kê khai, nộp phí chậm so với quy định; trốn nộp phí...

Về kê khai, nộp phí

Nghị định số 53/2020/NĐ-CP đã quy định trình tự, thủ tục, khai, nộp phí BVMT đối với nước thải theo biểu, mẫu bản giấy in sẵn (kèm theo) từ khâu tiếp nhận, xử lý và kết quả xử lý giữa người nộp và cơ quan thu theo phương thức trực tiếp. Thời gian qua, thực hiện chủ trương về chuyển đổi số quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024. Trong đó, có giao Bộ Tài chính chủ trì thực hiện nhiệm vụ về “Nhóm thủ tục Kê khai, thẩm định tờ khai và nộp trực tuyến phí BVMT đối với nước thải” theo mức độ Toàn trình, hoàn thành trong quý III/2024.

Như vậy, để thực hiện nhiệm vụ nêu trên, cần bổ sung quy trình thủ tục điện tử trong kê khai, nộp phí BVMT đối với nước thải trong Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

Ngoài ra, phương thức nộp tiền phí áp dụng đối với cơ sở có nước thải thuộc đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp hiện nay, người nộp phí chỉ có 01 hình thức nộp phí là nộp vào tài khoản tạm thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

Vì vậy, bài viết này đưa ra một số giải pháp hoàn thiện về kê khai phí như sau:

(i) Dàn loại bỏ việc kê khai, nộp phí với bản mẫu kê khai giấy. Phương pháp này hiện vẫn được quy định trong Nghị định số 53/2020/NĐ-CP bị hạn chế nhiều về thời gian và không gian thực hiện. Tuy nhiên, chỉ nên coi hình thức khai nộp này là thứ yếu và làm lộ trình cho việc tiến tới khai, nộp điện tử hoàn toàn trong thời gian tới. Khi các điều kiện về thực hiện trên môi trường điện tử được đảm bảo thì phải bỏ hẳn hình thức khai, nộp phí theo mẫu giấy.

(ii) Cắt bỏ công đoạn gửi, nộp trực tiếp bản Tờ khai phí đến sở TNMT hoặc phòng TNMT địa phương. Vì đối với phương thức dịch vụ trực tuyến, các thao tác kỹ thuật được xác định bằng lệnh và xác thực điện tử, việc gửi đi và tiếp nhận được coi là hoàn thành khi các bên tương tác qua kết nối mạng.

(iii) Bỏ công đoạn nhận và xác nhận tiếp nhận của cơ quan thu phí đối với tờ khai phí của doanh nghiệp, vì như nêu trên, khi tương tác qua môi trường mạng thì việc hoàn thành của từng công đoạn thực hiện hồ sơ đã được thiết kế theo mẫu điện tử và kết thúc lập tức khi thỏa mãn các tiêu chí và trường thông tin đặt

ra. Kết quả hoàn thành của người nộp phí và cơ quan tiếp nhận đồng thời được trả về.

(iv) Thành phần hồ sơ: Cắt giảm các trường dữ liệu (tiêu chí) theo mẫu như: thông tin về lĩnh vực sản xuất, chế biến, phương pháp xử lý nước thải, căn cứ kê khai, lưu lượng nước thải trung bình/ngày, lưu lượng trung bình trong năm tính phí, xác nhận tờ khai và các trường dữ liệu khác không liên quan, không phục vụ cho việc xác định, tính toán số phí phải nộp của doanh nghiệp.

(v) Gộp khâu nộp phí cùng với khâu nộp tờ khai phí thành 1 bước: Kê khai, nộp phí. Với cách làm này, doanh nghiệp chỉ phải thực hiện 01 lần, 01 khâu để hoàn thành nghĩa vụ phí phát sinh trong kỳ theo quy định.

(vi) Sửa tiêu chí về nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước thành nộp vào Tài khoản... tại... (tên tổ chức tín dụng, tên ngân hàng, tên kho bạc, tên tổ chức thanh toán trung gian), nội dung...

Yêu cầu này sẽ phù hợp với các phương thức thanh toán trực tuyến phổ biến hiện đang được áp dụng và có thể ứng dụng khi phát sinh những phương thức thanh toán mới trong tương lai.

Kết luận

Hoàn thiện chính sách phí BVMT đối với nước thải là đòi hỏi tất yếu, góp phần quan trọng để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng pháp luật của Nhà nước với tinh thần chung là coi nhiệm vụ BVMT là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại, của quốc gia; là nhân tố đảm bảo sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

Các đề xuất khuyến nghị đưa ra tại bài viết này nhằm góp phần hoàn thiện chính sách phí BVMT đối với nước thải đi vào cuộc sống, mang lại hiệu quả thiết thực, phù hợp với nhiệm vụ BVMT.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2020), Luật số 72/2020/QH14 Luật BVMT ngày 17/11/2020;
2. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030;
3. Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;
4. Chính phủ (2016), Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT.

Thông tin tác giả:

Trịnh Quang Hưng - Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí
Email: Trinhquanghung@mof.gov.vn